

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC 5SE**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC 5SE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: 5SE EDUCATION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: 5SE EDUCATION.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110230045

**3. Ngày thành lập:** 13/01/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

số 7 dãy A ngõ 16 phố Ngô Quyền, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0913312268

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm                                                                                                                                                                                           | 4649        |
| 2.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                   | 4651        |
| 3.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>(trừ thiết bị thu phát sóng)                                                                                                                                                                                                    | 4652        |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)                                                                                                                              | 4659        |
| 5.  | Giáo dục nhà trẻ                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8511        |
| 6.  | Giáo dục mẫu giáo                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8512        |
| 7.  | Giáo dục tiểu học                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8521        |
| 8.  | Giáo dục trung học cơ sở                                                                                                                                                                                                                                                              | 8522        |
| 9.  | Giáo dục trung học phổ thông                                                                                                                                                                                                                                                          | 8523        |
| 10. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                         | 8551        |
| 11. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                           | 8552        |
| 12. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Dạy đọc nhanh;<br>- Đào tạo về sự sống;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Dạy máy tính.<br>(không bao gồm dạy về tôn giáo; hoạt động của các trường Đảng, đoàn thể) | 8559(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: Tư vấn giáo dục; Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8560 |
| 14. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4741 |
| 15. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4742 |
| 16. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 17. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4761 |
| 18. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4763 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 200.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                  | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | TRIỆU NGỌC<br>MÃO | 17/154 Ngọc<br>Lâm, Phường<br>Ngọc Lâm, Quận<br>Long Biên, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam                         | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 100.000       | 1.000.000.000            | 50,000       | 0020870000<br>14                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                     | Tổng số                            | 100.000       | 1.000.000.000            | 50,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                     |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | TRẦN HỒNG<br>HOA  | CH 311 Tòa nhà 1<br>Nguy Như Kon<br>Tum, Phường<br>Nhân Chính,<br>Quận Thanh<br>Xuân, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 80.000        | 800.000.000              | 40,000       | 0011810385<br>25                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                     | Tổng số                            | 80.000        | 800.000.000              | 40,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                     |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |              |                                                                                               |                           |        |             |        |              |
|---|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | TRẦN ANH ĐỨC | số 7 dãy A ngõ 16 phố Ngô Quyền, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 20.000 | 200.000.000 | 10,000 | 001083027791 |
|   |              |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                               | Tổng số                   | 20.000 | 200.000.000 | 10,000 |              |
|   |              |                                                                                               |                           |        |             |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN HỒNG HOA

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/11/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001181038525

Ngày cấp: 05/05/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: CH 311 Tòa nhà 1 Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: CH 311 Tòa nhà 1 Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội